

Bản án số: 93/2022/HS-ST
Ngày 19-7-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hà và bà Bùi Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 73/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn P, sinh ngày 04/01/1993, tại Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn Phầm 3, xã DT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị Kh; Vợ, con: Chưa có. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/4/2022 đến nay hiện đang tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị hại: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn VP, thị trấn HH, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ dân phố ĐH, phường KQ, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần P tiện đi lại nên khoảng 00 giờ 30 phút ngày 20/11/2020, Nguyễn Văn P, sinh năm 1993, trú tại: Thôn Phầm 3, xã DT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên đến phòng trọ tại ngõ 1 đường Tôn Đức Thắng, phường KQ, thành phố Vinh Yên của anh Phạm Văn G, sinh năm 1996, trú tại: Thôn Vinh Phú, thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (là bạn quen biết

và ở cùng khu trọ) hỏi mượn xe máy của anh G để đi về quê và hẹn 02 ngày sau sẽ trả xe, anh G đồng ý. Sau đó, anh G giao cho P mượn 01 xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sơn đen bạc, BKS: 88K1 – 266.08, bên trong cốp xe có: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS: 88K1 – 266.08; 01 Chứng minh nhân dân và 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Văn G. Sau khi mượn được xe, P điều khiển xe đến quán Internet tại Tổ dân phố Bầu, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1998, trú tại: Tổ dân phố Đôn Hậu, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên làm chủ đề chơi điện tử. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, do chơi điện tử hết tiền nên P nảy sinh ý định bán xe máy của anh G để lấy tiền tiêu xài cá nhân. P đến gặp anh C đặt vấn đề bán xe máy trên cho anh C với giá 14.000.000đ và nói dối xe máy này là của P nên anh C tin tưởng đồng ý mua. P đưa cho anh C 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88K1 – 266.08, đồng thời P viết 01 Giấy bán xe máy trên cho anh C, còn 01 Chứng minh nhân dân và 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Văn G để trong cốp xe thì P giữ lại. Sau khi bán xe máy, P đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho anh G. Khoảng vài ngày sau, anh C đã bán xe máy này cho 01 nam giới (không rõ họ tên, tuổi và địa chỉ) với giá 15.000.000đ. Sau khi không thấy P trả xe đúng hẹn, anh G nhiều lần liên lạc với P để đòi xe nhưng P trốn tránh và không trả lại xe cho anh G nên ngày 26/11/2020 anh G đến cơ quan Công an trình báo sự việc như trên.

Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Văn P bỏ trốn khỏi địa P. Ngày 22/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định truy nã đối với P. Ngày 03/4/2022, Cơ quan Công an bắt được P. Tại Cơ quan điều tra, P đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 155/KL-HĐĐG ngày 19/3/2021 của UBND thành phố Vĩnh Yên kết luận: “01 xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sơn đen bạc, BKS: 88K1 – 266.08, số máy: JF63E1469054, số khung: RLHJF6305FZ468991, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu năm 2016, định giá qua hồ sơ, trị giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)”.

Ngày 14/4/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định mẫu chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn P. Tại Kết luận giám định số 1441/KL-KTHS ngày 23/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn P trên mẫu so sánh (ký hiệu M1 và M2) là do cùng một người viết, ký ra”.

Tại Cáo trạng số: 83/CT-VKS ngày 23/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Nguyễn Văn P về tội: “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo Nguyễn Văn P giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 03/4/2022).

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn P với anh Phạm Văn G về việc bị cáo P phải bồi thường cho anh G số tiền 20.000.000đ.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Bị hại anh Phạm Văn G trình bày: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 20/11/2020, Nguyễn Văn P, sinh năm 1993, trú tại: Thôn Phầm 3, xã DT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên là bạn quen biết và ở cùng khu trọ trước kia đến phòng trọ của anh G tại ngõ 1 đường Tôn Đức Thắng, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên hỏi mượn xe máy của anh G để đi về quê và hẹn 02 ngày sau sẽ trả xe, anh G đồng ý. Sau đó, anh G giao cho P mượn 01 xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sơn đen bạc, BKS: 88K1 – 266.08, bên trong cốp xe có: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy BKS: 88K1 – 266.08; 01 Chứng minh nhân dân và 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Văn G. Sau khi không thấy P trả xe đúng hẹn, anh G nhiều lần liên lạc với P để đòi xe nhưng P trốn tránh và không trả lại xe cho anh G nên ngày 26/11/2020 anh G đến cơ quan Công an trình báo sự việc như trên. Do xe không thu hồi lại được, anh Phạm Văn G yêu cầu Nguyễn Văn P phải bồi thường cho anh số tiền 20.000.000đ tương đương với kết luận định giá của chiếc xe.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra anh C trình bày: Khoảng 09 giờ 00 ngày 20/11/2020 Nguyễn Văn P đến gặp anh Nguyễn Văn C đặt vấn đề bán xe máy BKS: 88K1 – 266.08 cho anh C với giá 14.000.000đ và nói dối xe máy này là của P nên anh C

tin tưởng đồng ý mua. P đưa cho anh C 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88K1 – 266.08, đồng thời P viết 01 Giấy bán xe máy trên cho anh C. Khoảng vài ngày sau, thấy xe đi lại không tốt nên anh C đã bán chiếc xe trên cho 01 nam giới (không rõ họ tên, tuổi và địa chỉ) với giá 15.000.000đ.

Bị cáo Nguyễn Văn P không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo P tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 20/11/2020, tại phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn P có hành vi lợi dụng lòng tin của anh Phạm Văn G thông qua việc mượn xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sơn đen bạc, BKS: 88K1 – 266.08 của anh G để làm P tiện đi lại. Sau đó, P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy trên của anh G nên P đã mang xe bán cho anh Nguyễn Văn C được 14.000.000đ rồi tiêu xài cá nhân hết số tiền này dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho anh G. Trị giá tài sản P đã chiếm đoạt của anh G theo kết luận định giá là 20.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo P đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b, Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an, an toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy :

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 3 năm nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) làm căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Văn P bỏ trốn khỏi địa P gây nhiều khó khăn cho việc điều tra hành vi phạm tội của P. Ngày 22/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vinh Yên ra Quyết định truy nã đối với P. Ngày 03/4/2022, Cơ quan Công an bắt được P.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nếu để cải tạo tại địa P sẽ không có tác dụng giáo dục nói chung và cần phải xử lý nghiêm đối đối với bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[4] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan trong vụ án gồm:

Đối với anh Nguyễn Văn C, quá trình điều tra xác định anh C mua chiếc xe trên của P, không biết xe mô tô AirBlade, màu sơn đen bạc, BKS: 88K1 – 266.08 là tài sản do P phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố không xem xét xử lý đối với anh C là phù hợp.

Đối với người nam giới không rõ tên tuổi địa chỉ mà anh C bán chiếc xe AirBlade, màu sơn đen bạc, BKS: 88K1 – 266.08 với giá 15.000.000đ. Cơ quan

điều tra Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã tiến hành xác minh về nhân thân, lai lịch của người nam giới như lời khai của anh C này. Tuy nhiên, không xác định được. Do vậy, cơ quan CSĐT - Công an thành phố Vĩnh Yên tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với xe mô tô AirBlade, màu sơn đen bạc, BKS: 88K1 – 266.08. Sau khi C mua lại của P, C đã bán lại xe cho người nam giới không rõ tên, tuổi địa chỉ được 15.000.000đ, nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Do vậy, cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm, khi nào tìm thấy sẽ xử lý sau là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn P và anh Phạm Văn G thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại về tài sản bị cáo P bồi thường cho anh G số tiền 20.000.000đ, việc thỏa thuận trên là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 03/4/2022).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Điều 468; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn P và bị hại anh Phạm Văn G về việc bị cáo P bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh G số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo qui định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đ (Một triệu đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Hà

Bùi Thị Thu Hằng

Đào Văn Tiến

